

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-PT
Ngày 16-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2016/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 48/2016/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 17/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ trụ sở: Số 21 C, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T; địa chỉ: Tầng G2, Tòa nhà B4 K, đường P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 4188/UQ-HS ngày 30/11/2015); có mặt

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn C; địa chỉ trụ sở: Thôn 5, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Bá C, chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C; địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1; có mặt
2. NLQ2; vắng mặt
3. NLQ3; vắng mặt
4. NLQ4; vắng mặt

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn G2, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2, NLQ3, NLQ4: NLQ1 (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2017); có mặt

5. NLQ5; có mặt
6. NLQ6; vắng mặt
7. NLQ7; vắng mặt
8. NLQ8; vắng mặt

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ6: NLQ5 (Được ủy quyền theo văn bản ngày 01/6/2017); có mặt

9. NLQ9; có mặt
10. NLQ10; vắng mặt
11. NLQ11; vắng mặt
12. NLQ12; vắng mặt
13. NLQ13; vắng mặt

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng.

14. NLQ14; trú tại địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14: NLQ9 (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2017); Có mặt

15. NLQ15; trú tại địa chỉ: Thôn 4, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng.
Vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2016 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (Sau đây viết tắt là Công ty) ký kết 03 hợp đồng tín dụng, bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 118.09.BHA/TDH.46/307076.02 ngày 08/5/2009, Phụ lục hợp đồng ngày 08/5/2009 và văn bản sửa đổi hợp đồng số 118.09.BHA/TDH.46/307076.02/PLHD-01 ngày 27/02/2010, Khế ước nhận nợ số LD0913200055 ngày 12/5/2009.

Số tiền vay 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*); mục đích vay để mua ô tô tải; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân (Từ ngày 12/5/2009 đến ngày 12/5/2012); lãi suất cho vay khởi điểm là 10,5%/năm và sau đó có sự điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; nợ gốc được trả trong 36 kỳ (1 kỳ = 1 tháng), 35 kỳ đầu trả 3.612.000đ/kỳ, kỳ cuối trả 3.580.000 đồng, trả lãi vào ngày 25 đến 30 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng này là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của hộ NLQ1, thửa đất số 312, tờ bản đồ số 31, diện tích sử dụng 469m² (trong đó 200m² đất ở, 269m² đất vườn), tài sản trên đất là một ngôi nhà cấp 4 ba gian mái ngói, địa chỉ: Thôn G2, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số M 039953, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00158QSDĐ/HP-TNQĐ do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/11/2000, theo Hợp đồng thế chấp tháng 4/2009 và được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật; mức nghĩa vụ được bảo đảm là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) tiền gốc và lãi, chi phí phát sinh. Công ty đã trả 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) nợ gốc và còn nợ Ngân hàng số tiền lãi 34.720.580 đồng (*Ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, năm trăm tám mươi đồng*); trong đó bao gồm: lãi trong hạn 4.987.896 đồng, lãi quá hạn 29.361.260 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 371.424 đồng.

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 208.09.263.307076.TD ngày 21/8/2009, Khế ước nhận nợ ngắn hạn số LD0923300248 ngày 21/8/2009. Số tiền vay

500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); mục đích vay để mua đá phục vụ kinh doanh; thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân (Từ ngày 21/8/2009 đến ngày 21/8/2010); lãi suất cho vay khởi điểm là 10,5%/năm và sau đó có sự điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi vào sau ngày 30 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng này bao gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của NLQ6 và NLQ5, tại thửa đất số 458, tờ bản đồ số 30, diện tích sử dụng 200m², tài sản trên đất là một ngôi nhà 2 tầng mái bằng bê tông cốt thép, diện tích tầng 01 là 60m², tầng 02 là 30m², địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, GCNQSDĐ số AG 589542, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H/00942 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/9/2006 cho NLQ6 và NLQ5.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của hộ NLQ9, tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 24, diện tích sử dụng 215m²(trong đó có 200m² đất ở, 02m² đất vườn, 13m² đất hành lang giao thông), địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, GCNQSDĐ số T998439, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01578 QSDĐ/HP-TN-GĐ do UBND huyện T cấp ngày 10/10/2003 cho hộ NLQ9.

Hai tài sản thế chấp trên cùng được ký kết theo một Hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009 và đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật; mức nghĩa vụ được bảo đảm là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) tiền gốc và lãi, chi phí phát sinh. Tính đến ngày 28/9/2016, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền 1.291.474.075 đồng (*Một tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi tư nghìn, không trăm bảy năm đồng*); trong đó bao gồm: Nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 22.187.500 đồng, lãi quá hạn 766.906.250 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 2.380.325 đồng.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 307.09.263.307076.TD ngày 20/11/2009, Khế ước nhận nợ số LD0932400182 ngày 20/11/2009. Số tiền vay 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); mục đích vay để mua máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO PC100 xuất xứ Nhật Bản; thời hạn cho vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân (Từ ngày 20/11/2009 đến ngày 20/11/2011); lãi suất cho vay khởi điểm là 10,5%/năm và sau đó có sự điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; trả gốc trong 8 kỳ (1 kỳ = 3 tháng), số tiền gốc trả trong kỳ là: 31.250.000 đồng (*Ba mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), ngày trả gốc và lãi vào ngày 30 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng này là:

Tên và chủng loại	Màu xe	Xuất xứ	Số khung/số máy	Biển số
-------------------	--------	---------	-----------------	---------

Máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO PC100	Vàng xanh	Nhật Bản	PC100-21342/6D95L-27899	15XA-0366
---	-----------	----------	-------------------------	-----------

Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 252/2009 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/11/2009 cho Công ty TNHH C, theo hợp đồng thế chấp ngày 20/11/2009 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật; mức nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Công ty với Ngân hàng. Tính đến ngày 28/9/2016, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền 475.814.619 đồng (*Bốn trăm bảy mươi năm triệu, tám trăm mười bốn nghìn, sáu trăm mười chín đồng*); trong đó bao gồm: Nợ gốc 161.970.709 đồng, lãi trong hạn 31.160.023 đồng, lãi quá hạn 280.502.685 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 2.181.202 đồng.

Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng như đã nêu ở trên nên Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/9/2016 là 1.802.009.274 đồng (*Một tỷ, tám trăm lẻ hai triệu, không trăm không chín nghìn, hai trăm bảy tư đồng*); trong đó bao gồm: Nợ gốc 661.970.709 đồng, lãi trong hạn 58.335.419 đồng, lãi quá hạn 1.076.770.195 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 4.932.950 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi Công ty trả hết nợ.

Trường hợp Công ty không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án cho phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ thì Công ty tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu.

Đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Bá C trình bày:

Ông C thừa nhận Công ty có ký các hợp đồng tín dụng và có vay số tiền như Ngân hàng trình bày là đúng. Lý do Công ty không trả được nợ cho Ngân hàng là do kinh tế suy thoái Công ty lâm vào tình trạng khó khăn. Năm 2011, Nhà nước thu hồi đất tại khu vực Công ty sản xuất, đình chỉ không cho Công ty hoạt động và bàn giao cho đơn vị khác. Công ty đề nghị Ngân hàng không tính lãi phạt quá hạn, tạo điều kiện cho Công ty trả nợ gốc cho từng hợp đồng và giải chấp các tài sản thế chấp. Đối với chiếc máy xúc là tài sản thế chấp nếu phải phát mại thì Công ty cam kết bàn giao tài sản để tiến hành phát mại thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/8/2009, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng với bên thế chấp là hộ ông NLQ9, gia đình NLQ5 thì ông C khẳng định ông đã mượn GCNQSDĐ của hai gia đình trên. Thủ tục ký kết hợp đồng thế chấp chỉ do ông C và Ngân hàng thực hiện, các chữ ký của NLQ6, NLQ5, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ14, NLQ13 trong hợp đồng thế chấp không phải là chữ ký của những người đó. Ông C là người ký các chữ ký

của NLQ6, NLQ5 và NLQ9, các chữ ký của những người thế chấp còn lại là do người khác ký. Hợp đồng thế chấp tài sản của hộ NLQ1 thì do NLQ1 ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 và NLQ5 cùng thống nhất trình bày:

Ông C đã mượn GCNQSDĐ của gia đình ông, sau đó tự ý mang đi thế chấp tại Ngân hàng và ông, bà không đồng ý dùng tài sản của gia đình bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho Công ty đối với Ngân hàng và chữ ký trong hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/8/2009 không phải là chữ ký của ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ9– là người đại diện theo ủy quyền của các thành viên trong gia đình (Bao gồm: NLQ10, NLQ11, NLQ13, NLQ14, NLQ12) trình bày:

Năm 2005, ông C có mượn GCNQSDĐ của gia đình ông để vay tiền mua ô tô. Năm 2008, ông C bán xe trả hết tiền và lấy lại GCNQSDĐ nhưng không trả lại GCNQSDĐ cho gia đình ông. Năm 2009, ông C tự ý mang GCNQSDĐ của gia đình ông thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền, lúc đó gia đình ông không biết. Ông không đồng ý dùng tài sản của mình để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Ông và các thành viên trong gia đình khẳng định không ký vào hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009 và tại Tòa cấp sơ thẩm ông không yêu cầu giám định chữ ký là do ông C đã thừa nhận giả mạo chữ ký của ông và các thành viên trong gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày:

Ngày 27/3/2009, ông C mượn GCNQSDĐ của gia đình ông để vay vốn Ngân hàng. Vợ ông và các con ông không ký vào hợp đồng thế chấp tài sản. Ông C đã trả hết số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), số tiền lãi còn nợ là 34.720.580 đồng (Ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, năm trăm tám mươi đồng). Ông sẽ đôn đốc ông C và kết hợp trả nợ số tiền còn lại, đồng thời đề nghị Ngân hàng giảm cho một phần tiền lãi và trả lại GCNQSDĐ cho ông. Tại biên bản hòa giải ngày 20/6/2016 (BL 186), NLQ1 và NLQ2 cùng thống nhất nhận trách nhiệm trả Ngân hàng số nợ lãi còn lại để rút tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ15 trình bày:

Năm 2009, NLQ15 bán chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO PC 100 cho Công ty với giá 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Công ty đã đăng ký quyền sở hữu nhưng lại không thanh toán hết số tiền mua xe cho ông. Năm 2010, NLQ15 đến lấy lại chiếc xe và Công ty cũng trả lại và không có giấy tờ gì. Ông không biết Công ty đã thế chấp chiếc xe cho Ngân hàng. Sau đó, có người hỏi mua chiếc xe và ông đã bán với giá 350.000.000 đồng (Ba trăm năm

mười triệu đồng). Vì thời gian đã lâu và mua bán trao tay không có giấy tờ gì nên ông không nhớ tên và địa chỉ của người mua xe và ông cũng không biết hiện nay chiếc xe đang ở đâu.

Tại Bản án sơ thẩm số 48/2016/KDTM-ST ngày 28/9/2016 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng quyết định:

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 122, 137, 474, 717, 719, 721 của Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 68 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/9/2016 là: 1.802.009.274 đồng (*Một tỷ, tám trăm lẻ hai triệu, không trăm không chín nghìn, hai trăm bảy tư đồng*); trong đó bao gồm: Nợ gốc 661.970.709 đồng, lãi vay 58.335.419 đồng, lãi quá hạn 1.076.770.195 đồng, phạt hợp đồng 4.932.950 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2016 theo hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan được ký kết giữa các bên đến thời điểm Công ty trả hết nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì Công ty phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo lãi suất được điều chỉnh trên cơ sở quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp, gồm:

- Máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO PC 100, số khung PC 100-21342, số máy 6D95L-27899. Đã được Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 252/2009 ngày 17/11/2009 cho chủ sở hữu là Công ty. Phương thức xử lý tài sản bảo đảm này theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị ngày 20/11/2009. Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng.

- Quyền sử dụng 469m² đất và tài sản trên đất, địa chỉ: Thôn G2, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại bản đồ số 31, thửa đất số 312. Đã được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp GCNQSDĐ số M 039953, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 00158 QSDĐ/HP-TN-GĐ ngày 08/11/2000 cho người sử dụng là hộ NLQ1. Phương thức xử lý tài sản bảo đảm này theo hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 08/5/2009. Nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng số tiền 34.720.580 đồng (*Ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, năm trăm tám mươi đồng*); trong đó bao

gồm: lãi vay 4.987.896 đồng, lãi chậm trả 29.361.260 đồng, phạt hợp đồng 371.424 đồng.

- Quyền sử dụng 215m² đất và tài sản trên đất, địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại bản đồ số 24, thửa đất số 271. Đã được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp GCNQSDĐ số T998439, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 01578 QSDĐ/HP-TN-GĐ ngày 10/10/2003 cho người sử dụng là hộ NLQ9.

- Quyền sử dụng 200m² đất và tài sản trên đất, địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại bản đồ số 30, thửa đất số 458. Đã được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp GCNQSDĐ số AG 589542, vào sổ cấp GCNQSDĐ H/00942 ngày 14/9/2006 cho người sử dụng là NLQ6 và NLQ5.

Phương thức xử lý tài sản bảo đảm của hộ NLQ9, NLQ6 và NLQ5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/8/2009. Nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng số tiền vay gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và lãi, chi phí phát sinh trên số nợ gốc của khoản vay này.

Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự cưỡng chế xử lý để đảm bảo nghĩa vụ của bên vay và bên thế chấp tài sản, nếu xảy ra tranh chấp thì người có quyền sở hữu chung đối với tài sản này, Chấp hành viên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự được quy định tại khoản 12 Điều 26; khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 12/10/2016, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Theo ông C thì tại phiên hòa giải ở Tòa cấp sơ thẩm, Công ty đề nghị với Ngân hàng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin miễn toàn bộ tiền lãi phạt và phía Ngân hàng đã đồng ý chỉ thu hồi nợ gốc. Nhưng đến ngày xét xử (ngày 28/9/2016), Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên vẫn tuyên Công ty phải trả cả gốc và lãi là 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ, tám trăm triệu đồng*) và Công ty không đồng ý với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét lại vụ án và đề nghị được trả nợ gốc và xin tiền lãi theo như thỏa thuận ban đầu với Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày: Nguyên đơn xin được rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc phát mại các tài sản bảo đảm, bao gồm:

- Máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO PC 100, số khung PC 100-21342, số máy 6D95L-27899, biển kiểm soát 15XA-0366, đăng ký xe số 252/2009 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/11/2009 cho Công ty TNHH C.

- Quyền sử dụng 215m² đất và tài sản trên đất, địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại bản đồ số 24, thửa đất số 271. Đã được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp GCNQSDĐ số T998439, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 01578 QSDĐ/HP-TN-GĐ ngày 10/10/2003 cho người sử dụng là hộ NLQ9.

- Quyền sử dụng 200m² đất và tài sản trên đất, địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại bản đồ số 30, thửa đất số 458. Đã được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp GCNQSDĐ số AG 589542, vào sổ cấp GCNQSDĐ H/00942 ngày 14/9/2006 cho người sử dụng là NLQ6 và NLQ5.

Đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Bá C trình bày: Ông C thừa nhận có ký kết các hợp đồng tín dụng và còn nợ Ngân hàng số tiền 1.802.009.274 đồng (*Một tỷ, tám trăm lẻ hai triệu, không trăm không chín nghìn, hai trăm bảy tư đồng*); trong đó bao gồm: Nợ gốc 661.970.709 đồng, lãi vay 58.335.419 đồng, lãi quá hạn 1.076.770.195 đồng, phạt hợp đồng 4.932.950 đồng, như bản án cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng xin được miễn toàn bộ tiền lãi vì Công ty đang gặp khó khăn. Ông C hứa sẽ trả nợ Ngân hàng và lấy lại GCNQSDĐ cho gia đình NLQ9 và NLQ5 khi nhận được tiền đền bù từ giải phóng mặt bằng. Ông C thừa nhận có ký tên của NLQ9, NLQ6 và NLQ5 trong Hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 và NLQ5 đều thống nhất trình bày: Ông, bà không ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu và đề nghị Ngân hàng trả lại GCNQSDĐ cho hai gia đình ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ1 trình bày: Ông đồng ý trả nợ thay cho Công ty số tiền 34.720.580 đồng (*Ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, năm trăm tám mươi đồng*) còn lại của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 118.09.BHA/TDH.46/307076.02 ngày 08/5/2009 để lấy lại GCNQSDĐ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa ngày hôm nay, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về đường lối giải quyết vụ án: Không chấp nhận

kháng cáo của bị đơn vì lý do đưa ra để kháng cáo của bị đơn không có cơ sở; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng sau: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện những người có tài sản thế chấp là NLQ6, NLQ5, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ14 đều thống nhất trình bày là các chữ ký trong hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009 không phải là của họ. Mặt khác, ông C cũng xác nhận ông là người ký các chữ ký của NLQ6, NLQ5, NLQ9 và các chữ ký còn lại là do người khác ký và theo yêu cầu giám định của các đương sự thì Tòa án đã trưng cầu giám định và có kết luận là chữ ký của những người sở hữu tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009 không phải do họ ký. Căn cứ theo khoản 1 Điều 123 BLDS năm 2015 và Điều 10 Nghị định số 76/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính Phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp thì Hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009 vô hiệu. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên phát mại các tài sản theo hợp đồng thế chấp nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đối với tài sản thế chấp là chiếc máy xúc bánh xích thì theo lời khai của NLQ15 hiện nay không xác định được chiếc máy xúc đang ở đâu và do ai quản lý. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thẩm định tài sản còn hay không, hiện đã sang tên đổi chủ chưa mà chỉ căn cứ vào lời cam kết của bị đơn là sẽ bàn giao 01 máy xúc đảm bảo chất lượng để phát mại và đã tuyên phát mại chiếc máy xúc có nhãn hiệu, số khung, số máy theo hợp đồng thế chấp sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của nguyên đơn vì không thể thi hành được. Do các vi phạm trên, căn cứ Điều 310 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 48/2016/KDTM-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ15, NLQ7 và NLQ8 vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ6, NLQ5, NLQ9, NLQ10, NLQ11,

NLQ12, NLQ14 đều khẳng định không ký vào Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/8/2009 và có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký (BL 209, 241, 242, 244, 246). Nhưng trong hồ sơ vụ án không có tài liệu phản ánh về việc Tòa án cấp sơ thẩm đồng ý hay từ chối yêu cầu giám định của đương sự mà chỉ đến khi mở phiên tòa sơ thẩm thì Tòa án mới hỏi về việc yêu cầu giám định của các đương sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Giám định tư pháp năm 2012 thì: Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu giám định thì phải có văn bản trả lời cho đương sự trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu giám định của đương sự thì phải yêu cầu họ đến làm thủ tục trưng cầu giám định.

Mặt khác, trong trường hợp này để giải quyết vụ án cho đúng pháp luật thì Tòa án cấp sơ thẩm cần phải đưa Phòng Công chứng số 2 thành phố Hải Phòng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS. Vì Phòng Công chứng số 2 thành phố Hải Phòng là cơ quan công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/8/2009 và thiếu sót này của Tòa cấp sơ thẩm thì tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Tại cấp phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ9 và NLQ5 có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký trong Hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009. Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm nhận được yêu cầu đã ra quyết định trưng cầu giám định gửi tới Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an. Ngày 06/10/2017, Tòa án nhận được Kết luận giám định số: 314/C54-P5 ngày 12/9/2017 của Viện khoa học Hình sự với kết luận: Chữ ký của bên thế chấp trong Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/8/2009 không phải là chữ ký của NLQ9 và NLQ5. Như vậy, không có cơ sở để xác định NLQ9, NLQ5 dùng tài sản để thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009 giữa bên thế chấp là NLQ6, NLQ5, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ14, NLQ13, NLQ12 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên có nghĩa vụ là Công ty. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phát mại tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009 là không có căn cứ.

[1.3] Đối với tài sản thế chấp là chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO PC 100-3 thì thấy: Chiếc máy xúc này Công ty mua của Công ty Cổ phần T với giá 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng kinh tế số 05-11/HĐKT ngày 05/11/2009 và Công ty đã thanh toán trước cho Công ty Cổ phần T 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), người nhận tiền là NLQ15 theo Phiếu chi số 098, quyền số A06 ngày 05/11/2009. Sau đó, Công ty đăng ký quyền sở hữu nhưng không thanh toán số tiền còn lại cho Công ty Cổ phần T. Năm 2010, NLQ15 đến Công ty lấy lại chiếc xe và bán cho người khác với giá là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và NLQ15 không biết người mua xe và chiếc xe đang ở đâu.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định và đưa NLQ15 tham gia vào tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong trường hợp này là không đúng mà phải là Công ty Cổ phần T. Mặt khác, Tòa án sơ thẩm khi chưa xác định và làm rõ được tài sản thế chấp mà đã chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng để phát mại tài sản thế chấp là chưa đủ căn cứ.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có văn bản xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc phát mại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của hộ NLQ9 và NLQ5, NLQ6 theo hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009. Nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ5, NLQ9 không đồng ý với việc rút yêu cầu này của nguyên đơn, vì Ngân hàng không trả lại GCNQSDĐ cho các đương sự, trong khi các đương sự không ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

Hội đồng xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay không được chấp nhận vì trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ9, NLQ11, NLQ12, NLQ10, NLQ14, NLQ13, NLQ6 và NLQ5 đều khẳng định không ký vào hợp đồng thế chấp ngày 20/8/2009 và sự thừa nhận của ông C trong việc giả mạo chữ ký của những người thế chấp. Hơn nữa, theo Kết luận giám định số 314/C54-P5 ngày 12/9/2017 của Viện khoa học Hình sự thì chữ ký của bên thế chấp trong Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/8/2009 không phải là chữ ký của NLQ9, NLQ5 và hiện Ngân hàng đang chiếm giữ GCNQSDĐ của hộ NLQ9 và NLQ6, NLQ5 mà không được sự đồng ý của NLQ9, NLQ5 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ nên việc rút một phần yêu cầu của Ngân hàng tại Tòa án cấp phúc thẩm là trái với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Các hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bị đơn thừa nhận có ký kết các hợp đồng tín dụng và còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.802.009.274 đồng (*Một tỷ, tám trăm lẻ hai triệu, không trăm lẻ chín nghìn, hai trăm bốn bảy đồng*); trong đó: Nợ gốc 661.970.709 đồng, lãi vay 58.335.419 đồng, lãi quá hạn 1.076.770.195 đồng, phạt hợp đồng 4.932.950 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS công nhận các hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và buộc bị đơn phải trả số tiền trên cho Ngân hàng là đúng.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ và thiếu người tham gia tố tụng nên Hội đồng phúc thẩm xét thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo: Do hủy bản án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 48/2016/KDTM-PT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm:

- Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000394 ngày 14/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THA DS huyện Thủy Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, TKT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương